

Số: 16 /2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 15/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ về việc quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 877/TTr-SGTVT ngày 31/3/2017; kèm theo Báo cáo thẩm định số 112/BC-STP ngày 30/3/2017 của Sở Tư pháp, Báo cáo thẩm định số 886/BC-STC ngày 17/3/2017 của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân có hàng hóa và phương tiện sử dụng tại cảng cá (trừ xe cứu hỏa đi làm nhiệm vụ, xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp

về phòng chống bão lụt, xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng an ninh, đoàn xe có hộ tống dẫn đường, tàu thuyền của các đơn vị an ninh, quốc phòng đang làm nhiệm vụ, tàu thuyền cập cảng cá trong thời gian tránh thiên tai).

b) Ban quản lý các cảng cá Hà Tĩnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng):

| TT | Danh mục | Đơn vị tính | Mức giá |
|----|--|-------------|--|
| I | Đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải cập cảng, phương tiện vận tải vào, ra cảng: | | |
| 1 | Đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng, mức giá cho 01 lần vào ra cảng (không quá 48 giờ) như sau: | | |
| - | Có công suất từ dưới 20 CV | Đồng | 8.000 |
| - | Có công suất từ 20 CV đến 50 CV | Đồng | 15.000 |
| - | Có công suất trên 50 đến 90 CV | Đồng | 30.000 |
| - | Có công suất trên 90 CV đến 200 CV | đồng | 50.000 |
| - | Có công suất trên 200 CV | Đồng | 80.000 |
| 2 | Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng, mức giá cho 01 lần vào ra cảng (không quá 48 giờ) như sau: | | |
| - | Có trọng tải dưới 5 tấn | Đồng | 15.000 |
| - | Có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn | Đồng | 30.000 |
| - | Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn | Đồng | 80.000 |
| - | Có trọng tải trên 100 tấn | Đồng | 130.000 |
| 3 | Đối với chủ tàu có nhu cầu nộp giá dịch vụ theo tháng, quý, năm như sau: | | |
| - | Mức giá 01 tháng | Đồng | 60% x mức giá 01 lần vào ra cảng x 15 |
| - | Mức giá 01 quý | Đồng | 50% x mức giá 01 lần vào ra cảng x 45 |
| - | Mức giá 01 năm | Đồng | 40% x mức giá 01 lần vào ra cảng x 180 |

| TT | Danh mục | Đơn vị tính | Mức giá |
|------------|---|----------------------------|----------------|
| 4 | Đối với phương tiện vận tải, mức giá cho 01 lần sử dụng dịch vụ (không quá 48 giờ) như sau: | | |
| - | Xe máy, xích lô, xe ba gác chở hàng | Đồng | 2.000 |
| - | Phương tiện có trọng tải dưới 01 tấn | Đồng | 8.000 |
| - | Phương tiện có trọng tải từ 01 tấn đến 2,5 tấn | Đồng | 15.000 |
| - | Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 05 tấn | Đồng | 25.000 |
| - | Phương tiện có trọng tải trên 05 tấn đến 10 tấn | Đồng | 30.000 |
| - | Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn | Đồng | 40.000 |
| II | Đối với hàng hoá qua cảng: | | |
| 1 | Hàng thủy sản, động vật tươi sống | Đồng/tấn | 15.000 |
| 2 | Hàng hoá là Container | Đồng/container | 50.000 |
| 3 | Các hàng hoá khác | Đồng/tấn | 6.000 |
| III | Đối với nhà phân loại hải sản có mái che | | |
| 1 | Nhà phân loại hải sản có mặt tiền cầu cảng | Đồng/m ² /tháng | 18.000 |
| 2 | Nhà phân loại hải sản có mặt tiền còn lại | Đồng/m ² /tháng | 10.000 |
| IV | Mặt bằng đã có kết cấu hạ tầng | | |
| 1 | Mặt bằng những địa điểm khác trong khu vực cảng | Đồng/m ² /tháng | 8.000 |

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thu, nộp, quyết toán, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng cảng cá thực hiện công khai, niêm yết giá, thu đúng theo mức giá dịch vụ được quy định tại Quyết định này; quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ và nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá dịch vụ

sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phù hợp với tình hình thực tế.

4. Giao cơ quan thuế nơi có cảng cá, có trách nhiệm hướng dẫn kê khai thuế và sử dụng hóa đơn bán hàng đối với các đơn vị, tổ chức cung cấp, kinh doanh dịch vụ sử dụng cảng cá theo quy định.


Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2017.

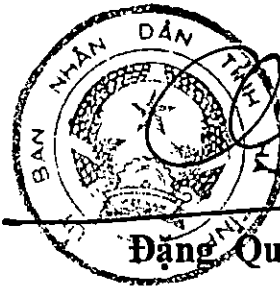
2. Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, GT₁;
- Gửi bản giấy và điện tử. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh